

Số: 62/2024/QĐCNTTLH

Yên Sơn, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Bàn Hồng A và anh Vũ Đức T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện nhận ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con khi ly hôn của chị Bàn Hồng A, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện Y, tỉnh T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* Người khởi kiện: Chị **Bàn Hồng A**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện Y, tỉnh T.

* Người bị kiện: Anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Hồng A và anh Vũ Đức T.

- Về con chung: Chị Bàn Hồng A và anh Vũ Đức T xác định có 02 con chung là cháu Vũ Hương G, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Vũ Hải A, sinh ngày 03/6/2016. Khi ly hôn chị A và anh T tự thỏa thuận thống nhất giao cả cháu Vũ Hương G, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Vũ Hải A, sinh ngày 03/6/2016 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị A và anh T tự thỏa thuận thống nhất, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G và cháu A mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu/ 1 tháng; phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu G và cháu A đủ 18 tuổi; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Bàn Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vũ Đức T chậm cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Bàn Hồng A và anh Vũ Đức T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Bàn Hồng A và anh Vũ Đức T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn ;
- UBND xã T, huyện Y;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy